

# ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN II

### Phẩm 7: BỐN TƯỚNG (Phần 1)

Giải thích bốn nghĩa như “Tự Chánh” v.v... .

Đặt ra giới dứt ăn thịt.

Giải thích nghĩa Ba-la-đề-mộc-xoa.

Giải thích về nghĩa dần dần chế giới.

Xét: “Bốn cũ nói là phẩm Như lai Tánh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Như lai tánh: là nói rộng về nhân quả và văn tự của đoạn thứ năm, không thể chú nặng về danh. Đây đều là tánh nhân, quả của Như lai, dùng tánh làm danh.

Bốn Tướng: là đáp chung câu hỏi thứ tư, thứ năm, vì sao? Vì đã nói nhân quả của Kim cương sống lâu, và tên kinh, pháp lưu thông kinh, việc rớt ráo của kinh. Cho nên đáp câu hỏi thứ tư.

Vì danh tự cuộc hạn, nên không hợp với lưu thông. Vì danh từ Phật tánh thông suốt, nên gồm thấu vào phẩm Phật Tánh.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phẩm trên, Bồ-tát Ca-diếp hỏi Đức Phật: Kinh này tên là gì? Vâng giữ thế nào?”

Ngày nay, dùng bốn nghĩa như “Tự chánh” (tự sửa cho đúng) v.v... để nói về nghĩa vâng giữ. Vì thế, nên nói nghĩa tự sửa cho đúng này. Cuối cùng nói: “Nên giữ như vậy”, tức là kết.

Lại một nghĩa: Phẩm trên, lược dùng tám nghĩa để giải thích Đại Niết-bàn. Từ dưới đây, trở lại văn giải thoát, nhằm giải thích rộng về nghĩa Đại Niết-bàn. Dùng bốn việc như tự sửa cho đúng v.v..., để giải thích rộng về nghĩa Bát-nhã, thành Đại Niết-bàn.

Từ “Thế nào” cho đến “Phải biết là vô thường ư? Cuối cùng có Mật tạng, mở rộng nghĩa thân mật, khẩu mật, làm sáng tỏ khả năng vô cùng của pháp thân. Ở đây y theo pháp thân để nói về nghĩa Đại Niết-bàn. Nói rộng nghĩa giải thoát để thành Đại Niết-bàn, phải dùng ba nghĩa này để làm rõ thể Niết-bàn kia.



Phẩm trước đã nêu câu hỏi: “Thế nào là vâng giữ? Đã nêu ra phương pháp giữ gìn. Nay, đủ bốn tướng này thì có thể lưu thông kinh, tức là nghĩa vâng giữ.

Lại, một nghĩa: “Về chỉ thú của kinh đã rất ráo, tức là có thể lưu thông. Tuy nhiên, người lưu thông yếu chẳng phải đức thì không truyền. Nếu giáo tròn, lý đủ, rất ráo của kinh, thì người có khả năng sinh hiểu biết tròn đủ trong lý, giáo của kinh, tự tu hành, gồm giáo hóa người, cuối cùng thành Chánh Giác, là nhân rất ráo.

Chính vì vậy, nên phẩm này đáp chung hai câu hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Kinh Nê-hoàn loại sáu quyển chép: “Bồ-tát hóa độ chúng sinh, nói pháp có bao nhiêu thứ?” kinh này nói: “Mong Đức Phật mở bày giáo pháp mầu nhiệm, thâm mật”, chỉ thú hỏi dù khác, mà lý được làm rõ là một, nên quyển sáu nói: “Giải thích về giải thoát xong là nói Bồ-tát thành tựu bốn pháp.”

Pháp sư Đàm Tiên nói: “Quyển sáu nói, có Bồ-tát hóa độ chúng sinh, không nguyện Phật mở bày chỗ sâu kín, nhưng ở kinh này lại có nói mà không có hóa độ chúng sinh. Vậy cả hai kinh đều có thiếu sót. Nếu có đủ là vượt hơn.

Từ đây cho đến khéo hiểu về nhân duyên xong, thì sẽ đáp nói pháp có mấy thứ.

Từ các ví dụ như hoại y v.v... cho đến “Nói rộng về giải thoát, đáp câu hỏi về mở bày giáo sâu kín.”

“Phật lại bảo Bồ-tát Ca-diếp: Này người thiện nam” cho đến “Bốn là khéo hiểu về nghĩa nhân duyên.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chánh tha, nghĩa làm sao cho người nhận lãnh kinh cũng được hiểu đồng với ta, có thể tùy người hỏi mà đáp, có thể giúp cho họ được tỏ ngộ, nên khó đáp mà đáp được. Có đủ cơ bản của ba việc nói trên là do khéo hiểu về nghĩa nhân duyên. Đủ ba đức này mới lưu thông được kinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Sắp trao cho người lý cao siêu, thì trước, phải tự sửa cho đúng, đã tự sửa cho đúng rồi thì có khả năng làm cho đạo được đến khắp với người có duyên. Vì thế, nên đoạn thứ hai, nói về “Chánh tha” (sửa cho người khác đúng).

Theo tác dụng vượt hơn trong môn “Chánh tha” chia ra thành bốn. Nói tự chánh nghĩa là:

1. Hạnh chánh: Đúng như luật mà thực hành.

2. Giải thích: Xét, hiểu Phật là thường, Kim cương lại là vô thường. Trước hết, phải đủ các đức này, thì sẽ có khả năng hóa độ

người khác.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Danh dù có bốn, nhưng lý không quá hai, nghĩa là “Tự chánh” và “Chánh tha”, theo chánh tha, thì lia hai pháp sau. Vì sao? Vì nếu làm cho không thể tùy hỏi mà đáp thì đối với việc hóa độ người ngoài, không thể thực hành, lại không nhận thức sáng suốt về căn tánh, tức là giảng nói không thích hợp với căn cơ, trình độ. Như thế là không có “Chánh tha”. Vì thế, y theo nghĩa “Chánh tha”, chia ra hai tướng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phẩm này có ba đoạn:

1. Nói về bốn đức trong nhân, chính là đáp câu hỏi.
2. Nói về quả ngăn cấm bốn tướng.
3. Nêu các giác bất liễu xưa, xin Phật hội thích rõ ràng thành bốn nghĩa, tức mở bày các pháp sâu kín.”

“Này người thiện nam! Thế nào là “Tự chánh”? Nếu Phật, Như lai đến “Giống như đồng lửa. Đây gọi là Tự chánh”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân việc hiện tại để nói lên lời thề.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Có nhân duyên riêng, xuất xứ từ trong kinh Khô Thọ: “Phật dẫn Tỳ-kheo đến chỗ trống trải thấy bọng cây khô, liền hỏi Tỳ-kheo: “Thầy có ôm cây này được không? Tỳ-kheo đáp Bạch Đức Thế tôn không thể. Phật lại hỏi: “Nếu có người bắt buộc thầy, phải nói Phật là vô thường. Nếu không nói, thì phải ôm cây khô này thì thầy chọn bên nào? Thầy Tỳ-kheo đáp: “Bạch Đức Thế tôn! Thà rằng con ôm đồng lửa mà chết, còn hơn là ôm lấy cây khô”. Chính trong lời nói này có đủ hai nghĩa: “Tự chánh”, “Chánh tha”.

Pháp sư Trí Tú nói: “Tự quán thân mình, là sinh ra tà kiến, thì phải từ thân khởi, nên bảo phải quán thân, cũng như đồng lửa.”

“Này người thiện nam! Thế nào là chánh tha? Một hôm Đức Phật đang nói pháp” cho đến “Vì Như lai nói đúng như thật, nên con rất vui mừng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Biểu thị rõ tướng “Chánh tha”, có thể giúp cho người khác thọ lãnh, vì được hiểu biết rõ. Lúc bấy giờ có người nữ, tức việc kia. Nếu trước không bỏ tâm rối loạn nhớ nghĩ đến đứa con, thì sẽ không ngộ được thuyết Thường, đó gọi là khéo sửa cho người khác đúng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đây nói bốn tướng của Bồ-tát. Nay, chính là y theo Phật để làm rõ. Nghĩa là sẽ nói về lý mẫu của bốn tướng cùng cực chỉ có Bồ-tát là người rất ráo. Chí giáo của Như lai,

hợp với căn cơ, hễ giảng nói, thì có lợi ích, tức là “Chánh tha”, làm cho chánh pháp được mở rộng, nhiệm vụ của Đại sĩ là vâng theo lời dạy đó.

Một nghĩa khác: “Muốn nói về lợi ích hóa độ, đường đi ấy tự có nhiều. Tự có pháp thuyết mà được hữu ích, nghĩa là có cơ nghi, thì chỉ dùng thần thông để làm lợi ích: Trong đây nói chỉ dùng nói pháp thuyết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y theo văn này thì cũng có khả năng trả lời câu hỏi, khéo hiểu về nhân duyên. Vì sao? Vì có nói kia, tức là “Chánh tha”.” Và lại giải thích về lý, chính là đáp theo câu hỏi. Nhận biết cơ duyên của chúng sinh, gieo được căn cơ thích nghi đó, tức là am hiểu về nhân duyên. Chưa biết người nữ này được thích hợp, là khi Đức Phật nói kinh Niết-bàn, mới đến. Không như vậy đã đến, ngồi sang một bên. Trước, trong tâm có một điều nghi, sau khởi một niệm Nghi là ngờ vực rằng, chẳng biết Đức Phật có phải là Đấng Trí nhất thiết hay không? Kế là nghi rằng phải chăng vì mình đã mớm cho con ăn nhiều chất bơ, không biết có tiêu hóa hay không? Vì ôm ấp hai điều nghi này, nên nằng nghe pháp không thâm nhập. Đức Phật biết được tâm niệm của nàng, nên mượn làm thí dụ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Cũng là dẫn giáo thật xưa để làm rõ việc nay.”

“Đức Thế tôn cũng thế vì muốn điều phục” cho đến “Đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói pháp cho người nữ nghe, để chứng minh cho ý chỉ chánh tha.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đức Thế tôn như thế, đây là lời Phật nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng có thể là lời người nữ nói, cần gì gieo trồng gốc lành đời trước, vì hễ nghe thì liền tỏ ngộ?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Xét kỹ là lời nói của người nữ. Sau Đức Thế tôn, thì dẫn để so sánh rằng, đệ tử của Như lai cũng giống như thế.”

“Phật dạy: Con ăn thức ăn ấy đã tiêu hóa tốt, nó sẽ được lớn khôn khỏe mạnh” cho đến “làm cho các đệ tử Như lai đều được nếm vị ngọt ngon.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sáu vị: Hữu vị có ba, vô vị có ba. Khổ vì đổi thay, vui vì tác dụng, như dấm có thể biến thành vị ngọt. Các pháp sở dĩ trôi nổi đời đời là vì vô thường ép ngặt, cũng như vị muối có công năng làm cho cái không phải mặn thành ra vị mặn, nói vô ngã, vì

không tự tại, nên trái với tình. Như vị đắng, con người không thích. Vui, lấy việc hài lòng làm nghĩa. Cũng như người ưa thích vị ngọt. Ngã, là chế ngự tự do, vật không gây trở ngại, được như chung với vị cay phát ra. Lý thường lắng trong, một tướng không có khác, như vô phân biệt của vị lạt. Vì lửa tuệ của hiểu biết thường đốt cũi “hoặc” của tám đảo. Để nuôi lớn tuệ mạng, dụ là cơm.”

“Phật lại bảo người nữ: Nếu có sự duyên” cho đến “Giao tạng bí mật vô thượng cho các Bồ-tát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên nói Đức Phật ở đời là “Chánh tha”, ở đây nói sau diệt độ là chánh tha.

“Này người thiện nam! Nếu có chúng sinh nào cho rằng Phật là thường trú” cho đến “Tức là nhà người đó có Phật”, đó là “Chánh tha”.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Điều lành dựa vào niềm tin để lập, lấy chữ tín làm nhà. Vì tâm lành này, mỗi niệm sở duyên chỉ ở thường trụ, cũng thường tồn tại trong nhà Tín kia.”

Này Ca-diếp! “Thế nào là khả năng trả lời câu hỏi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phước cao quý là Đại, nghĩa là phước không hao hụt của cải hơn phước hao tổn của cải. Thật là thí lớn, mà trả lời câu hỏi này.

Nói về vị thối nhuần, cái mà con người dung tục tham. Đến khi đối diện với việc đó, thì sẽ sinh ra ý niệm dầy, mỏng, mà có thể tự ức chế không thọ nhận, dứt tham, tu giới, nuôi lớn pháp thân. Vì dùng của cải thanh tịnh, nên thí chủ không hao tổn tài sản của mình, là công đức lớn. Nếu không ức chế mà thọ lãnh, sinh tham, phá giới, thêm lớn sinh tử, của cải sử dụng bất tịnh, nên thí chủ đã phải hao tổn của cải nhiều mà công đức thì ít ỏi. Vấn đề này thật khó đáp mà đáp được.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Không thấy việc đáng mong muốn, tâm mình không tán loạn thì dễ, còn thấy thì khó”. Nay ban cho cái đáng mong muốn mà tâm mình không nhiễm, đây là nhân giữ cho điều mình mong muốn, nên không có lòng mong muốn? Đó là lý do thí pháp, là vì phí tổn một mảy may, trong khi lợi ích của pháp thí thì thật rộng lớn. Ban cho danh được truyền đi khắp, mà nghĩa thì vẫn còn mãi ở đây.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước nói về “Tự chánh” “Chánh tha”, lý thì đều cùng tận, chính vì trong sự hóa độ người ngoài, trái với lo nghĩ thường, điều mà con người không thấu suốt, thì phải biết đó là. Cho của cải là dễ, cho người tiếng tốt là khó. Nay, y theo tiếng tốt để giải thích.

Vì sao? Vì các người giữ giới, ít muốn, biết đủ, mà với bản ý của thí chủ này thì vì làm danh người này sao cho đức không ở chỗ bỏ của. Vì thế ban cho không nhận ở giữa người đông, chúng rộng, người kia đã không nhận, lấy mọi người để so sánh, đây tức là người không nhận của cải, thì tiếng khen ít muốn biết đủ sẽ được sáng tỏ.

“Người cho có thể bỏ danh, đại thí rõ rệt.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây sẽ nói về nghĩa có năm phần:

1. Giải thích đúng về tướng trả lời câu hỏi.

2. Nhân việc thỉnh Phật đặt ra giới cấm ăn thịt.

3. Dẫn giáo thật xưa để thưa hỏi.

4. Chỉ nêu sự sai quấy ở vị lai, nhằm lập ra pháp chế về cấm ăn thịt.

5. Thưa hỏi Phật về pháp thanh tịnh.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Người ăn thịt không nên cho họ thịt.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Cho còn không nên, huống chi đích thân ăn thịt ư? Nếu Đức Phật không cấm ăn thịt, thì nhân nào dẫn đến tuổi thọ lâu dài?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người không ăn thịt là người có đức Đại từ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Do xưa đã nói, thế nghĩa cùng cực ở đây, quý ở chỗ nói về nghĩa mà thôi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cho nên ngày nay, nói về pháp chế không ăn thịt, là vì chúng sinh đời xưa, đã quen với sự tanh hôi, nhớ nhớp, từ lâu đã không được cấm hẳn. Đến kinh giáo hiện nay, lòng người đã thuần thực, nhận thức được lý lẽ rõ ràng, biết được thứ nhớ nhớp hôi tanh này, tự nhiên phải bỏ dần.

Chính vì lý do đó, nên thời buổi hiện nay, cứ ăn thịt, việc đó phải chấp hành. Nhân ở trên đã nói, nên nói rằng, người ăn thịt còn không nên thí thịt cho họ, huống chi người không ăn mà phải thí thịt cho ư? Vì người đã không ăn thịt, có công đức lớn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ý muốn thỉnh Phật chế giới. Cho nên nhân theo dẫn ý chỉ của lời Phật đáp ở trước, bèn nói “Đã thấy”, nghĩa là cho người thịt, không phải là điều nên làm.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây giải thích lý do không nên cho. Nếu người không ăn thịt, sẽ được công đức lớn, chẳng lẽ không chế giới không nên cho thịt ư?”

“Vì sao con thấy người không ăn thịt” cho đến “Bồ-tát hộ pháp

phải như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nay, nói tuổi thọ lâu dài, Từ là nhân sống lâu, điều tổn hại từ phải dứt, vì nói được thời gian đó là khéo biết ý Như lai.”

“Này người thiện nam! Bắt đầu từ nay trở đi, Như lai sẽ không cho phép các đệ tử Thanh văn ăn thịt.”

Minh Tuấn nói: “Trên nói nhân thường trụ, nghĩa là dùng đại bi trao cho giới không giết hại, mà hiện nay vẫn còn ăn thịt, tức là chính mình có hành động làm tổn thương lòng từ, trong khi đó, lại muốn răn người khác vì không giết hại, thật không có tâm trợ trên ư? Giới là gốc của các đức, từ là rễ của muôn hạnh. Nếu chặt gốc, sẽ hại đến rễ, liệu nhánh nhóc có được an ổn tồn tại không?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phép đặt ra kiêng ăn thịt được bắt đầu từ ý chỉ này. Về nghĩa “Không cho phép”, đâu riêng gì người Thanh văn. Do đó suy ra Bồ-tát xưa nay vốn không ăn thịt.”

“Nếu đàn-việt đem thịt đến dâng cúng, thì phải xem thịt ấy như thịt con mình.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Ăn thức ăn khác còn như vậy, huống chi là ăn thịt ư? Xem như thịt con mình: Có nhân duyên riêng đề cập ở kinh khác.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Đức Như lai không cho phép ăn thịt?”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Xin được nghe về những tai hại của việc ăn thịt.”

“Này người thiện nam! Nói về người ăn thịt, thì dứt mất hạt giống đại từ.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thêm vị đậm đà, chớ nên ăn thịt nhiều. Nếu ăn thịt một cách đậm đà, thì sẽ quên lòng thương xót, sự rộng lớn của lòng thương xót, nói là hạt giống của đại từ, hạt giống đại từ đã bị hư thì lý sống lâu cũng dứt.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Giết hại, làm tổn thương tâm đại từ, còn ăn thịt làm hại tâm tiểu từ. Vì nhờ tiểu mà được đại, nên tiểu từ là hạt giống của tâm đại từ.

Lại, giải thích: “Quả là Đại từ, nhân là tiểu từ. Đây là nhân từ làm hạt giống cho quả từ. Nay, vì đã ăn thịt là trái với từ của nhân địa, nên nói dứt hết hạt giống từ.”

Pháp sư Tuệ Đản: “Ăn thịt, che lấp mạng sống, nhóm góp dày dạn tâm tiểu từ của gốc lành, đâu có công năng phát sinh chủng tánh đại



từ ư?”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Vì sao” cho đến “Nên biết chính là nghĩa kiêng ăn thịt ở đây.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu từ là gốc của sống lâu, ăn thịt là hại từ, nghĩa là trước kia Đức Phật cho phép ăn ba thứ tịnh nhục, đó là trừ thấy, nghe, nghi. Mười thứ bất tịnh: Về sau có thành lập số. Chín thứ gồm: Không thấy có ba, nghĩa là tỏ vẻ vui mừng trước khi chưa ăn. Ngay khi ăn, ăn xong cũng vui mừng. Không nghe, không nghi mỗi thứ đều có ba cũng như vậy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ba thứ, mười thứ, chín thứ đều dẫn đến pháp chế xưa. Ba thứ là thấy nghe, nghi. Mười thứ: Thì dưới đây có lập văn. Chín thứ thọ: Ngày xưa, một hôm Đức Phật dạy: “Ngoài thấy, nghe, nghi thì cho phép ăn. Lúc đó, dù ngăn cấm mà tổn hại mạng cũng nhiều, nên lớp thứ hai, Đức Phật lập pháp chế trừ ngoài mười thứ, lia thấy nghe, nghi thì cho phép ăn”. Dù vậy, nhưng vì sự tổn thương vẫn còn nhiều, nên lớp thứ ba, có phần rõ ràng hơn: Trước kia có ba việc đều có phương tiện trước, sau. Mỗi sự có ba hợp thành chín. Trong thấy có ba: Khi thấy dứt mạng, lúc thấy lôi kéo đi, sau khi thấy giết, người giết mổ cắt chặt. Trong nghe có ba: Lúc nghe nói giết, khi nghe nói lôi kéo đi, lúc nghe nói người hàng thịt giết mổ. Nghi có ba: Cũng không lia thấy nghe.

Nghi: “Chẳng biết là ta giết hay người khác giết? Thậm chí phương tiện trước, sau cũng nghi.”

Lại, giải thích về nghi: “Như trước kia ăn thịt ở nhà đó, nay, ăn ở nhà này, trong ý sinh nghi rằng chẳng biết, có phải là thịt trước kia hay không. Cũng không được ăn? Như tìm cách trước sau sinh nghi, đều không được ăn. Trong nghe sinh nghi, cũng giống như trước, chỉ khác nhau ở việc thấy, nghe, đều được chia làm ba, nên thành sáu. Sự nghi ngờ giữa hai nhà không còn phân biệt nữa, vì đồng là một nghi.

Nay, giáo thường đã hưng thịnh, tất cả đều dứt. Đây tức là loại bỏ việc trì trệ được thực thi dần dần, không thể làm ngay được.

Lại một nghĩa: “Về quả thường phải là việc thực hành ở chỗ bố thí thân mạng, phải dứt ngay một cách sáng suốt.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:” cho đến “Vì sao Như lai lại khen cá, thịt là món ăn ngon?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dựa theo tình người mà nói, thì vị bổ dưỡng cho thân thể rất đặc biệt chú nặng một cách đậm đà, còn về việc sửa sang tốt đẹp lại xem nhẹ. Xem nhẹ mà còn ngăn cấm, huống

chi là nặng ư?”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Nếu Như lai chế” cho đến “Nhưng các vật dụng... như thế, cũng không nên dùng?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu vì đấm nhiễm các vật dụng v.v... trên, cũng không nên dùng.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu vì phước của Đại từ nên không ăn thịt, thì các vị sữa bơ..., kể cả dếp da cũng không nên dùng. Nếu vì mặc áo, tất nhiên là hoại sắc, tiêu biểu cho không tham, thì những vật quý báu vàng bạc... cũng không nên thọ dụng?”

Phật dạy: “Này người thiện nam! Ông không nên có kiến chấp đồng với bọn ngoại đạo Ni-kiền Tử lỏa thể kia” cho đến “Bao nhiêu giới cấm của Như lai đã chế ra đều có ý khác.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Không có ham muốn mục đích ở chỗ sợ tổn hại hữu tình, đâu được đồng với kiến chấp lỏa thể kia, lấy việc lỏa thể làm hành đạo, dùng việc chống đối để dứt tâm dục vọng ư?”

“Vì ý khác, nên cho phép ăn ba thứ tịnh nhục” cho đến “Cấm tất cả các thứ thịt đều không được ăn, dù là thịt con vật tự chết.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Bệnh có hai thứ, đó là từ ý, từ tưởng. Thỏa lòng rồi dừng lại, nói là xuất phát từ ý. Còn lòng tham không đáy, gọi là từ tưởng. Vì thế, nên ngăn cấm nhỏ làm hao hụt ý kia. Điều cấm ngăn, tổn hại từ tưởng kia.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dứt trừ ý tham kia, là thêm lớn lòng từ nọ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nói về dễ được, nghĩa là gặp gỡ, nhìn thấy mà sinh ý. Khó được nghĩa là thường nghĩ tưởng mà ham muốn. Vì thế, nên Đức Phật cho ăn ba thứ tịnh nhục. Ý của ba thứ bất tịnh nhục tự chúng cũng tiêu tan mất. Mà ba thứ tịnh, nghĩa là vì khó được, nên tưởng mà mong muốn. Kế là, trong mười thứ kiêng có ba thứ tịnh, lại không được ăn, vì ở mười tưởng kiêng cử chỉ tưởng ba thứ tịnh ngoài mười thứ, nghĩa là vì càng khó được, nên tưởng càng sâu. Nay, vì đều cấm, nên hầu hết các tưởng đều không có chỗ sinh ra nữa, nên tất cả tưởng đều dứt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu làm cho công cụ cấp dưỡng thân mà gây nên tổn hại trong nhiều lĩnh vực, thì Đức Phật nghiêm cấm hẳn. Nếu đối với việc, áp dụng tiểu chế còn thừa thớt thì Đức Phật sẽ khai cho. Chúng sinh có quả báo luống dối, phải được thấm nhuần, nếu hoàn toàn cấm ngay thì thân của họ sẽ không lập.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Tưởng khác, ý khác, là ngôn từ lẫn nhau. Nói

“Khác” là ý xấu ác kia.”

“Này người thiện nam! Kể từ hôm nay, Như lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Kết ngăn cấm.”

“Này người thiện nam! Người ăn thịt, hoặc đi, đứng” cho đến “Nghe hơi thịt kia đều sinh kinh sợ.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Dùng sự để thấy lý”.

“Vị như có người ở gần sư tử” cho đến “Cũng không nhìn thấy, huống chi phải ở gần.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Lấy người ăn làm thí dụ.”

“Những người ăn thịt cũng vậy” cho đến “Thấy đều sợ hãi, nghĩ sợ cái chết.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Con người không có tâm hại thú, thú cũng không hại người. Vì cho nên tìm thứ xương thịt vụn mà cọp đã bỏ rơi rớt lại trong núi, với thứ cá mà cò đã làm rơi khi bay liệng trên biển. Nếu đã ăn thứ thịt đó thì chẳng lẽ hại tâm mà diệt hẳn ư? Đã nghe mùi thịt bị giết chết thì nghĩ sợ cái chết.”

“Các loài cá trạnh, muông thú và chim chóc đều bỏ chạy, tránh xa, chúng đều nghĩ rằng, người ấy là kẻ làm hại chúng ta.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Nếu vì lòng nhân, thương xót chưa được trọn vẹn, thì sẽ lẩn tránh. Cho nên biết không ăn thịt, cho đến “Không còn ăn các thức ăn thanh tịnh, huống chi là ăn thịt.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Dẫn hạnh của bậc Địa sĩ, khen không ăn thịt, thật đáng quý.”

“Này người thiện nam! Sau khi Như lai nhập Niết-bàn, các bậc quả Thánh” cho đến “Nên nói người ấy thật là đệ tử Như lai.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Nêu việc ác trong đời Mạt pháp. Nếu có người xuất gia xa lìa được những việc xấu ác này thì người đó quả thật là đệ tử Như lai.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:” cho đến “Đều không được ăn: Người ăn thịt thì mắc tội.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Vì thỉnh pháp được ăn.”

“Nay Như lai tuyên bố pháp chế cấm ăn thịt này” cho đến “Đây chính là khả năng hể hởi liền đáp.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Kết thúc các đoạn vừa nêu trên.”

“Này người thiện nam! Thế nào là khéo hiểu nghĩa nhân duyên?” cho đến “Thế nào là Ba-la-đề-mộc-xoa?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giới là thời đến thì chế, không

đến thì không chế nghĩa là khéo hiểu về nghĩa nhân duyên.

Thế nào là đọa? Cho đến Ba-la-đề-mộc-xoa? Đọa là phạm tội. Luật là tên gọi nhẹ, nặng. Mộc-xoa là danh nghĩa của giới, cũng gọi tri túc, giải thoát. Sao không gọi là Pháp môn? Nghĩa là nếu: Trì” thì sẽ được giải thoát các đau khổ, phạm thì sẽ rơi vào đường ác. Nên sớm đặt ra giới để biết nhẹ, nặng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu muốn “Chánh tha”, thì trước phải hiểu biết tường tận. Nếu không thấu suốt căn tánh, thì trái lại, gây phiền lụy cho căn tánh đó, chẳng phải cho rằng đem lại lợi ích cho chúng sinh. Trong văn “Chánh tha” ở trên, cũng nói “Tiêu tức vật, tình”, có khả năng, tức là có thể nói, chẳng khác với văn này. Nói chung, thật sự chẳng phải “Chánh tha”. Trước lược chỉ nêu một việc. Nhân đối với người nữ, nhờ nói về tướng “Chánh tha”. Sao không trước vì vua Ba-tư-nặc nói pháp môn này? Quốc chủ vốn biết phép vua, ngày đêm dù khác nhau, nhưng về diệt trừ tai hại thì đồng. Cho nên Đức Phật cho biết sơ lược về tướng giới. Nước vua Ba-tư-nặc quy định: Trộm đến năm quan tiền thì bị tội tử hình. Người xuất gia phạm tội trộm thì bị đuổi ra khỏi chúng.

Còn nói về tội, thường can dự với quốc chủ, nay, hỏi: “Sao không nói ngay về lý rất sâu của kinh, luật ư?” Trong đây dù có năm câu, nhưng đại ý không quá hai: Đầu tiên là hỏi: “Sao Đức Phật không chế giới ngay? Câu thứ hai, hỏi về tướng giới luật. Đôi khi nói là sâu, nghĩa là giáo xưa cũng có sâu, cạn. Như mười điều lành, năm giới là cạn, bốn Đế, mười hai nhân duyên là sâu. Nếu so sánh giới hiện nay với giáo xưa thì nói chung là sâu. Đức Phật mới ra đời, không nói pháp ngay, nghĩa là ứng có nhân duyên. Hoặc gọi là phạm, không phạm, nghĩa là xưa, Đức Phật đặt ra pháp chế chung: “Các việc ác chớ làm!” Đã không có văn kết tội, thì không nói là phạm. Và do việc mà chế giới riêng, thì nói là phạm.

Thế nào gọi là đọa? Ba pháp này hỏi chung về sự trái hay không? Trái gọi là đọa, không trái thì gọi là Luật.

Thế nào gọi là Mộc-xoa? Là hỏi riêng về giới thể. Trong đây, lại nói về Mộc-xoa: Trước kia nói về giới thể, vì giới thể đó quan hệ với luật, e người hiểu lầm, nên lại phân biệt, lấy việc xa lìa bất thiện của thân, miệng, ý, tức là giới thể, còn luật thì vì lấy việc ngăn dứt oai nghi bên ngoài và chế ra thiên chương. Vì muốn phân biệt hai pháp khác nhau, nên lại nêu ra.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Năm câu hỏi là:

1. Hỏi: “Sao Đức Phật không nói ngay kinh giáo, mà lại nói có cạn, sâu ư?”

2. “Sao không chế giới trước mà khi có người phạm rồi Phật mới chế?”

3. Hỏi về Đọa: Nói khác với “Thiên” thứ ba xưa là nói chung năm thiên, bảy nhóm đều là quả báo của Đọa.

4. Hỏi về luật. Luật vốn lý giải, cân nhắc, về tội nhẹ nặng, tức là giải thích về sự của Đọa trước kia.

5. Hỏi về Ba-la-đề-mộc-xoa, nghĩa là hỏi về giới “Vô tác”.

Pháp sư Trí Tú nói: “Có bốn câu hỏi:

Hỏi: “Sao Đức Phật không nói ngay kinh, luật?”

Ba câu hỏi sau chẳng khác với cách giải thích trước.

Pháp sư Tuệ Lãng nói: Luật nói giống nhau.”

“Phật dạy: Ba-la-đề-mộc-xoa” cho đến “Chẳng cát chứa cũng gọi là tịnh mạng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu nói về giới thể, tức là “Vô tác”. Nếu nói về nghĩa của giới thì gọi là sự rốt ráo. Nói là biết đủ, không phải giải thích đúng về danh nghĩa Mộc-xoa, mà là y theo công dụng của tâm, để nói về giới. Pháp của Thanh văn lấy ít muốn làm nghiệp. Nếu vâng theo ít muốn thì sẽ được thọ “Vô tác”, thêm lớn suốt ngày đêm, nên nêu ít muốn để nói về giới.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vô tác” vốn là pháp ngu, chẳng phải tánh hiểu biết, đâu thể dứt điều ác để nay được gọi là dứt ư? Có ba nghĩa:

1. Từ nhân mà đặt tên.
2. Trong duyên được tên.
3. Trong nhân nói quả.

Từ nhân mà được tên, nghĩa là do tâm dứt điều ác, mà phát ra. Vì pháp này đã sinh ra từ dứt việc ác, nên nói “Vô tác” là ngưng dứt việc ác.

Được tên từ trong duyên: Tức đã được giới này, ngăn dứt ở trong tâm, vì không làm các điều ác, nên nói là được tên từ trong duyên.

Nói quả trong nhân, do giữ giới này, mà tâm được vắng lặng. Vì vắng lặng nên nhận rõ chân lý, được thành vô lậu, dứt các trói buộc, gọi là bậc Thánh giải thoát, nên nói “Vô tác” dứt ác.”

“Đọa, là gọi bốn đường ác” cho đến “Vì các nghĩa này nên gọi là Đọa.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Có ba chỗ nói là Đọa. Hai chỗ trước

là chỗ chịu tội, còn chỗ sau là nói đường ác kia phải đọa.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ba lớp trong đây nói về Đọa: Lớp đầu nói chung về nhẹ, nặng. Kế là, nói riêng về nặng, sau đến nhân để nói về đọa.”

“Ba-la-đề-mộc-xoa, nghĩa là lìa nghiệp tà bất thiện của thân, miệng ý.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại, người nói giới, trước kia nói là người thuyết giới. Về sau, y theo giới để nói về thể của giới.”

“Luật, nghĩa là nhập vào nghĩa thiện của kinh sâu mâu, giới, oai nghi” cho đến “Nhân duyên bất tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhập, là từ. Phân tích tội nhẹ, nặng, làm chướng đạo sâu cạn. Nghĩa thiện của kinh sâu sắc và nhân duyên bất tịnh, nghĩa là thể đã không phải tịnh, thì có thể tạo ra bất tịnh, như ăn phi thời..., đều nên ngăn dứt.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là giải thích về chữ Luật. Văn năm bộ luật là do giới kinh đã nói, ẩn tế thành sâu sắc, không trái với ý chỉ chế ra giới cấm. Vì thân miệng đúng như pháp, nên nói “Nhập”, vì trái với ác, nên nói nghĩa thiện, ngăn dứt thọ bất tịnh, trăm vật bất tịnh.”

“Cũng ngăn bốn tội nặng, mười ba tội tăng tàn” cho đến “Rất nhiều pháp học, bảy pháp diệt tránh v.v... .”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói đều bảm thừa chỉ thú của luật.”

“Hoặc có người còn phá tất cả giới” cho đến “Bảy pháp diệt tránh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giới có hai thứ: Một là thọ giới; hai là chế giới. Đức Phật mới thành đạo, Ngài chỉ nói: “Thiện lai Tỳ-kheo” là đã thọ được giới, chưa có chế giới, vì không biết phạm, khoa mục nhẹ, nặng, tất cả đều phá.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp câu phạm, không phạm trước kia. Trước nói chế chung là ngậm sinh khởi các điều ác. Nếu Đức Phật chế giới ngay thì tâm tình chúng sinh, sẽ không chấp nhận. Cho nên Đức Như lai đầu tiên chế ra: “Các việc ác chớ làm.” Phân tích việc ác nặng kia, sau đó do việc mà chế giới.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi đầu, nói lý do vì sao Đức Phật không chế giới ngay, nghĩa là do người nghe không tin, thì sẽ bị chê bai:

Từ câu: “Bấy giờ, có người thiện nam” v.v.. trở xuống, là giải thích ý không được chế giới ngay, chính là khởi lên một câu hỏi.”

“Đôi khi có người chê bai chánh pháp” cho đến “Dần dần chế

giới, không được chế cùng lúc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tất cả tướng, nghĩa là tất cả tướng ác. Che giấu là không đối trước người trí để tự phát lộ, là nói về tình, đã không biết phạm, làm sao biết phát lộ. Nói về sự thì vì che giấu mà thôi, không ăn năn cũng vậy.

“Chế giới dần dần, nghĩa là nói về tướng nhẹ, nặng của bảy thiên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp câu hỏi đầu. Nói căn cơ của con người cạn, hẹp, chưa có khả năng tiếp thu giáo pháp sâu sắc. Nếu nói ngay, sẽ càng nặng thêm chứng bệnh của họ, cho đến xiển-đề.

Cùng tận tất cả tướng, là dứt tướng gốc lành. Không có nhân duyên, nghĩa là nhân duyên không thể cứu giúp, cũng có thể tức là chấp tất cả đều không có nhân duyên, nên càng thêm tán mạn, nghĩa là chướng ngấm ngấm chệch bại sâu sắc.”

“Bấy giờ, có người thiện nam, thiện nữ” cho đến “Vì vậy, thỉnh Phật nên chế giới trước.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đến phương khác, nghĩa là ở sinh tử mà cầu ra khỏi, vì người khác, phi pháp phá giới là mê lầm. Không thấy có người đáng hỏi là sai quấy, nghĩa là chẳng biết phạm, không phạm. Công đức tăng thượng của mười điều lành có năm phẩm. Mười điều lành phẩm hạ là trời, người, phẩm trung là Thanh văn, phẩm thượng là Duyên giác. Phẩm trung thượng là Bồ-tát, phẩm thượng thượng là Phật, chứng tỏ Đức Phật đã biết đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý chỉ giới không được chế ngay, còn chưa thể nói nay lại nêu một câu hỏi. Đáp: “Đức Như lai cũng đã biết việc này, như Tu-đề-na ngày mai lẽ ra sẽ phạm, sao hôm nay không chế giới trước? Pháp có chế, thì sẽ không phạm, đã không thì không rơi vào đường ác, nên nói “Nên chế giới trước.”

“Phật nói: Nay người thiện nam! Nếu nói Như lai” cho đến “Muốn cho chúng sinh, vào địa ngục?!”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Trước nêu lời hỏi trước kia. Có một đạo nọ ngăn dứt rằng: “Không được nêu lên câu hỏi này.”

“Như lai thấy một người có nhân duyên đọa vào địa ngục?” A-tỳ tưởng như con sẽ khiến vào địa ngục.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Kế là nói đức đại bi của Phật có đức xót thương cứu giúp.”

“Nay người thiện nam! Như trong nước vua có người mặc nạp y” cho đến “Như lai liền dùng giới thiện để vá lại cho.”





---

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Áo để che đậy chỗ xấu, như giới che lấp điều xấu ác. Đó năm lớp, bốn lớp dù rách mà lậu chưa chảy ra thì không được vá ngược, lâu chảy ra thì vá. Chính vì cho nên Tôn giả Xá-lợi-phất thỉnh Phật chế giới, Phật nói: “Vì lậu chưa phát ra, nên không chế được”. Về sau, có vị Tỳ-kheo vì bị cơn đói ép ngặt, nên đi khất thực vào ban đêm. Một người phụ nữ mang thai trong thấy, cho là quý, quá sợ hãi nên té và bị sẩy thai. Việc này khiến cho người đời chê bai, ngỡ vực”. Vì pháp hữu lậu đã phát ra, nên Đức Phật mới chế giới.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Kế là lập hai ví dụ chính là đáp câu hỏi: Ví dụ trước trực tiếp nói vì cấm điều xấu ác khởi, sau đó mới dùng việc lành để bù đắp lại, sửa chữa lại cho tốt.”

“Này người thiện nam! Ví như vua Chuyển luân thánh vương” cho đến “Sau đó, toàn dân đều nhất trí tự chấp hành pháp lệnh của nhà vua.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Ví dụ thứ hai ở đây chứng tỏ lý do mà Đức Phật với ý định chế giới chung lúc đầu và chế giới riêng về sau.”

“Này người thiện nam! Cũng vậy, Như lai” cho đến “Nghĩa nhân duyên trong Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Song hợp hai thí dụ.”

“Lại nữa, “Tự chánh”, cái gọi là được” cho đến “Tức không khác với Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là y cứ riêng về quả. Sắp nói nhân thời gian thực hành giáo hóa, với đủ bốn đức, chung quy, chúng sinh đều được qua đến bến bờ kia. Đó là con người rất ráo đã được tiến đến quả Phật. Lại, do hóa độ con người, nên biết được bốn đức đã đủ, nói lưu thông là ở đây không lầm. Vì thế, nên chỉ nêu quả với niềm tin mới có thưa hỏi, sao cho tất cả mọi người đều kính mến phép tắc trước kia với lòng mong mỏi được tu tập.

